

QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM

TS. Nguyễn Văn Ngự¹, HVCH. Võ Minh Thu²

¹Trường Đại học Hòa Bình

²Trường Đại học Ngoại thương

Tác giả liên hệ: nvngu@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 04/6/2025

Ngày nhận bản sửa: 11/6/2025

Ngày duyệt đăng: 24/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71192/355755rukxz1>

Tóm tắt

Quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) là một nội dung trọng yếu trong hệ thống quản trị rủi ro toàn diện của ngân hàng thương mại, đặc biệt trong bối cảnh biến động lãi suất gia tăng. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng công tác quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (LPBank), dựa trên nền tảng lý thuyết chuyên môn, các nguyên tắc quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel, đặc biệt là Basel III và sử dụng các phương pháp định lượng như phân tích khe hở lãi suất (GAP), biến động thu nhập lãi ròng (ΔNII) và giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (ΔEVE). Kết quả cho thấy LPBank hiện duy trì GAP dương và đang từng bước cải thiện hệ thống quản lý rủi ro, song, vẫn còn những hạn chế về công nghệ, dữ liệu và năng lực nhân sự. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực đo lường, giám sát và ứng phó rủi ro, góp phần củng cố sự ổn định tài chính và khả năng thích ứng của ngân hàng trước các cú sốc lãi suất.

Từ khóa: Rủi ro lãi suất, sổ ngân hàng, Basel III.

Managing Interest Rate Risk in the Banking Book: A Case Study of Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank

Dr. Nguyen Van Ngu¹, Vo Minh Thu²

¹Hoa Binh University

²Foreign Trade University

Corresponding Author: nvngu@daihochoabinh.edu.vn

Abstract

Interest rate risk management in the banking book (IRRBB) is an essential part of the overall risk management system in commercial banks, particularly amidst the backdrop of escalating interest rate fluctuations. This paper focuses on analyzing the current situation of IRRBB management at Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank (LPBank). The analysis is based on professional theoretical foundations, Basel risk management principles—especially Basel III—and uses quantitative methods such as gap analysis (GAP), changes in net interest income (ΔNII), and economic value of equity (ΔEVE). The results show that LPBank maintains a positive GAP and is gradually improving its risk management system. However, some limitations still exist in terms of technology, data quality, and staff capacity. The paper proposes several solutions to enhance risk measurement, monitoring, and response, in order to strengthen financial stability and the bank's ability to adapt to interest rate shocks.

Keywords: Interest Rate Risk Management, Banking Book, Basel III.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hội nhập sâu với thị trường tài chính toàn cầu, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất linh hoạt theo

hướng thị trường. Biến động tài chính liên tục gây áp lực lên các ngân hàng trong cân đối dòng vốn và biên lãi. LPBank - một ngân hàng tăng trưởng nhanh - cũng chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh lãi suất, khiến

biên lãi ròng biến động, làm tăng IRRBB - rủi ro tài chính phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, vốn và tính bền vững hoạt động.

IRRBB ngày càng được chú trọng trong bối cảnh thị trường tài chính biến động. Từ 2004, Ủy ban Basel đã phân loại IRRBB là rủi ro riêng, và đến năm 2024, tiếp tục cập nhật yêu cầu kỹ thuật, trong đó, có việc áp dụng cú sốc lãi suất riêng theo từng đồng tiền. Tại Việt Nam, các ngân hàng như LPBank vừa đối mặt với áp lực cạnh tranh lãi suất, vừa phải đáp ứng chuẩn mực Basel III, khiến IRRBB trở thành rủi ro trọng yếu do chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và giá trị ngân hàng. Các công cụ như phân tích khe hở lãi suất (GAP), biến động thu nhập lãi thuần (ΔNII) và giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu (ΔEVE) được áp dụng định kỳ để quản lý rủi ro này. Tuy nhiên, thực tiễn tại LPBank cho thấy việc triển khai các công cụ còn thiếu đồng bộ với quá trình ra quyết định, dữ liệu chưa được cập nhật nhất quán, và sự phối hợp giữa các đơn vị nghiệp vụ còn rời rạc, làm giảm hiệu quả kiểm soát IRRBB, qua đó, ảnh hưởng đến khả năng ứng phó với biến động thị trường và suy giảm sức cạnh tranh.

Trong bối cảnh đó, nghiên cứu quản trị IRRBB tại LPBank là cần thiết nhằm nhận diện, đánh giá toàn diện thực trạng quản lý hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết góp phần đề xuất giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, tăng cường năng lực ứng phó biến động lãi suất và xu hướng thị trường, bảo đảm an toàn tài chính và nâng cao sức cạnh tranh bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết

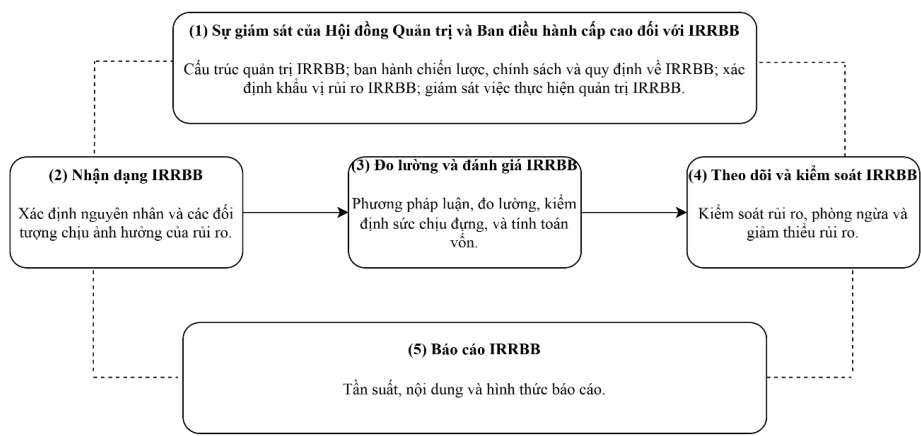
Theo Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng, IRRBB là tổn thất tiềm tàng ảnh hưởng đến vốn và lợi nhuận, phát sinh từ biến động bất lợi của lãi suất đối với các vị thế trong sổ ngân hàng. Rủi ro này chủ yếu bắt nguồn từ sự mất cân đối kỳ hạn và cấu trúc lãi suất giữa tài sản và nguồn vốn, làm thay đổi dòng tiền và giá trị kinh tế của ngân hàng. Hull (2018) cho rằng IRRBB liên quan đến các khoản mục không được giao dịch thường xuyên và không được định giá lại hằng ngày; trong khi Saunders và Allen (2020) bổ sung rằng các cam kết ngoài bảng cân đối cũng góp phần tạo ra IRRBB. Ủy ban Basel đã

xác định IRRBB là rủi ro riêng từ năm 2004 và hoàn thiện nguyên tắc quản lý trong Basel II và III (Basel Committee, 2016), làm cơ sở để nhiều quốc gia, trong đó, có Việt Nam, chuẩn hóa quản trị IRRBB. Basel cũng nhấn mạnh vai trò của các công cụ định lượng như GAP, ΔNII và ΔEVE trong kiểm soát IRRBB.

Ở góc độ vận hành, Bessis (2015) cho rằng quản trị hiệu quả IRRBB không chỉ dựa vào công cụ đo lường, mà còn cần có cơ cấu tổ chức hợp lý, với sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận ALM, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao khả năng dự báo và giảm thiểu tổn thất do biến động lãi suất. Đồng thời, Hauf và Trummer (2021) nhấn mạnh vai trò then chốt của hệ thống dữ liệu tích hợp và kiến trúc công nghệ hiện đại - gồm Microservices, xử lý dữ liệu trong bộ nhớ và điện toán đám mây - trong việc theo dõi, mô phỏng, dự báo IRRBB một cách hiệu quả, đồng thời, đáp ứng yêu cầu báo cáo theo chuẩn Basel và cơ quan giám sát châu Âu (EBA). Tại Việt Nam, nghiên cứu của Nguyễn Minh Đức (2021) khẳng định sự cần thiết của hệ thống quản trị IRRBB toàn diện để tối ưu hóa sử dụng vốn và bảo vệ lợi nhuận trong bối cảnh biến động lãi suất khó lường; trong khi đó, Nguyễn Thị Thu Trang và cộng sự (2024) phân tích thực trạng ứng dụng các công cụ định lượng như GAP, ΔNII và ΔEVE tại các ngân hàng trong nước, đồng thời, nhấn mạnh rằng việc hoàn thiện hệ thống đo lường và tích hợp dữ liệu là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực kiểm soát IRRBB, tăng cường khả năng chống chịu tài chính và củng cố vị thế cạnh tranh.

Dựa trên Basel và Thông tư 13/2018/TT-NHNN, khuôn khổ quản trị IRRBB tại ngân hàng thương mại (NHTM) gồm ba bước chính: (i) nhận diện rủi ro, tập trung xác định các vị thế trong sổ ngân hàng chịu ảnh hưởng lãi suất và phân biệt rõ sổ ngân hàng với sổ kinh doanh; (ii) đo lường và đánh giá rủi ro bằng các phương pháp định lượng như GAP, ΔNII , ΔEVE , kèm kiểm định sức chịu đựng và tính toán vốn bổ sung; (iii) theo dõi, kiểm soát và báo cáo, bao gồm giám sát rủi ro, thiết lập giới hạn phù hợp khẩu vị rủi ro, và báo cáo định kỳ để hỗ trợ quyết định và tuân thủ quản lý.

Hình 1. Quy trình quản lí rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng



Nguồn: NHNN, 2018

Từ các khung hướng dẫn quốc tế và thực tiễn nghiên cứu, quản lý IRRBB là nội dung then chốt trong quản trị rủi ro toàn diện tại NHTM. Bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích thực trạng quản trị rủi ro này tại LPBank - một trong những ngân hàng triển khai chuẩn Basel III tại Việt Nam - nhằm đánh giá mức độ tuân thủ và hiệu quả đo lường, giám sát theo chuẩn quốc tế.

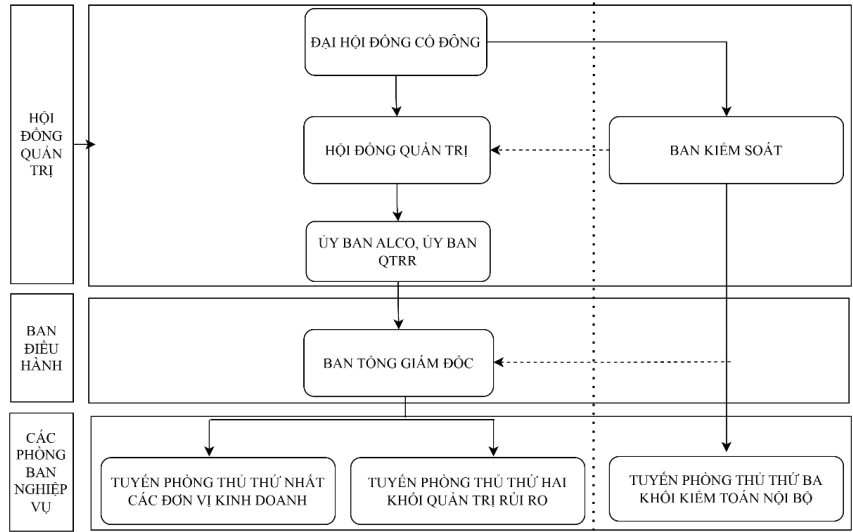
3. Thực trạng quản trị RRLS trên sổ ngân hàng của LPBank

Quản trị IRRBB tại LPBank được triển khai theo khung quy định tại Thông tư 13/2018 và tuân thủ chuẩn mực Basel III từ năm 2022. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn tồn tại hạn chế về mô hình tổ chức, quy trình quản trị, phương pháp đo lường, mức độ ứng dụng công nghệ, chất lượng nhân sự và chính sách triển khai.

3.1. Mô hình tổ chức quản trị rủi ro

Từ năm 2015, LPBank áp dụng mô hình quản trị rủi ro theo ngành dọc và nguyên tắc “Ba tuyến bảo vệ”: tuyến một là đơn vị kinh doanh và vận hành; tuyến hai là Kiểm toán nội bộ đánh giá độc lập. Mô hình này giúp tăng cường kiểm soát và minh bạch. Tuy nhiên, triển khai thực tế mới dừng ở mức khung, phối hợp giữa các tuyến còn lỏng lẻo, đặc biệt trong phân định trách nhiệm với rủi ro lãi suất. Tuyến một chưa nhận thức đầy đủ vai trò kiểm soát, còn phụ thuộc tuyến hai. Đội ngũ chuyên trách còn thiếu kỹ năng định lượng và kinh nghiệm thực tiễn. Ngoài ra, LPBank chưa có quy trình riêng cho rủi ro lãi suất; các bước như đo lường GAP, tính EVE vẫn làm thủ công, gây chậm trễ trong đánh giá và phản ứng với biến động lãi suất.

Hình 2. Mô hình quản trị rủi ro lãi suất của ngân hàng LPBank



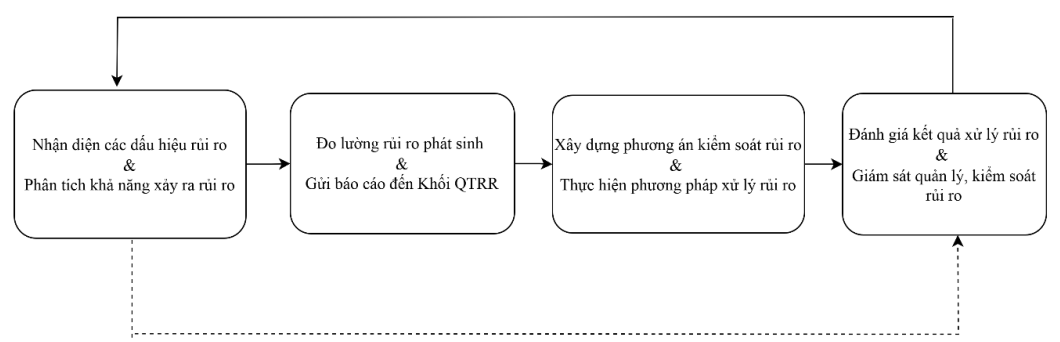
Nguồn: LPBank, 2024a

3.2. Đo lường và đánh giá rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Giai đoạn 2019-2024, NHNN liên tục điều chỉnh lãi suất điều hành để ổn định kinh tế và ứng phó biến động toàn cầu. Từ 2019-2021, NHNN giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,0% xuống 4,0% và tái chiết khấu từ 4,0% xuống 2,5%, kéo lãi suất huy động và cho vay giảm tương ứng. Năm 2022, nhằm kiểm soát lạm phát, NHNN tăng lãi suất tái cấp vốn lên 6,0% và tái chiết khấu lên 4,5%, khiến lãi suất huy động và cho vay tăng. Đến 2023-2024, chính sách tiền tệ nới lỏng, lãi suất tái cấp vốn giảm về 4,0%-4,5%, kéo lãi suất huy động và cho vay giảm nhẹ.

Biến động lãi suất điều hành ảnh hưởng trực tiếp đến IRRBB thông qua chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn. Tại LPBank, dù đã xây dựng quy trình quản trị IRRBB theo bốn bước cơ bản (nhận diện, đo lường, kiểm soát, giám sát), nhưng phần lớn vẫn thực hiện thủ công trên Excel, thiếu hệ thống tích hợp, công cụ định lượng chuyên sâu và cơ chế cảnh báo sớm. Từ 2024, ngân hàng bắt đầu đầu tư hệ thống công nghệ, gồm data warehouse và Kondor, nhưng mới ở giai đoạn đầu nên chưa áp dụng được các mô hình như VaR, Expected Shortfall để lượng hóa rủi ro, khiến việc đánh giá tác động của lãi suất biến động còn mang tính định tính, phản ứng chậm và thiếu cơ sở cho ra quyết định.

Hình 3. Quy trình quản trị rủi ro lãi suất của LPBank



Nguồn: LPBank, 2024a

Để đánh giá hiệu quả quản trị IRRBB dựa trên cách LPBank đo lường rủi ro ảnh hưởng đến NII và EVE dưới các kịch bản lãi suất.

Đánh giá trạng thái chênh lệch lãi suất của ngân hàng giữa TSC và TSN

Năm 2024, tổng tài sản nhạy cảm lãi suất (TSC) của LPBank đạt hơn 486.800 tỷ VND, chủ yếu ở kỳ hạn dưới 3 tháng,

với cho vay chiếm gần 67%. Tổng nợ nhạy cảm lãi suất (TSN) là 455.251 tỷ VND, thấp hơn TSC, tạo GAP dương 31.549 tỷ VND (72,8% vốn chủ sở hữu). Tuy nhiên, GAP âm lớn dưới 1 tháng cho thấy rủi ro tái định giá ngắn hạn và rủi ro kỳ hạn do sử dụng vốn ngắn hạn cho tài sản dài hạn, đòi hỏi LPBank kiểm soát chặt thanh khoản và chi phí vốn..

Bảng 1. Bảng kết quả đánh giá rủi ro lãi suất theo phương pháp khe hở lãi suất tại LPBank (Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023	2024
TSC nhạy cảm với lãi suất (1)	192.668	225.005	270.331	310.048	358.405	486.801
Tiền gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng	17.533	14.745	22.438	31.968	35.528	96.455
Cho vay và mua nợ khách hàng	140.523	176.621	208.954	235.507	275.453	331.606
Chứng khoán đầu tư và Kinh doanh	34.612	33.639	38.939	42.573	47.424	58.740
TSN nhạy cảm với lãi suất (2)	182.823	221.746	264.998	293.673	335.503	455.251
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	287	224	1703	3.077	89	1.271

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	17.533	14.745	46.281	39.660	50112	115.349
Tiền gửi khách hàng	136.847	174.526	180.276	215.888	237.392	283.172
Phát hành GTCG; Các CCTC phái sinh	28.156	32.251	36.738	35.048	47.910	55.459
GAP = (1) - (2)	9.845	3.259	5.333	16.375	22.902	31.550
Trạng thái nhạy cảm với lãi suất của ngân hàng	Cùng chiều tăng/ giảm	Cùng chiều tăng/ giảm	Cùng chiều tăng/ giảm	Cùng chiều tăng/ giảm	Cùng chiều tăng/ giảm	Cùng chiều tăng/ giảm
Trạng thái của chỉ tiêu NIM giảm khi lãi suất giảm	Giảm	Giảm	Giảm	Giảm	Giảm	Giảm
Tỷ lệ nhạy cảm lãi suất	1,05	1,01	1,02	1,06	1,07	1,07
% Chênh lệch so với VCSH	78,3	22,9	31,7	68,1	67,1	72,8

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tài chính các năm 2019-2024 của LPBank

LPBank duy trì GAP dương giai đoạn 2019–2024, phản ánh TSC cao hơn TSN, có lợi khi lãi suất tăng nhưng rủi ro khi lãi suất giảm, do thu nhập giảm nhanh hơn chi phí. Trước Covid-19, GAP đạt 9.845 tỷ đồng, tỷ lệ nhạy cảm 1,05, song NIM giảm nhẹ do chi phí vốn tăng. Giai đoạn 2019–2021, GAP và tỷ lệ nhạy cảm giảm còn 1,01–1,02, cho thấy xu hướng cơ cấu lại để giảm rủi ro, nhưng NIM vẫn thu hẹp do lãi suất thấp. Từ 2022–2024, GAP tăng lên hơn 31.500 tỷ đồng, tỷ lệ nhạy cảm vượt 1,06, cho thấy LPBank tiếp tục dồn vào TSC. Việc ngân hàng duy trì GAP dương kéo dài làm NIM chịu áp lực, chỉ phục hồi nhẹ năm 2024. LPBank cần cơ cấu lại kỳ hạn và tăng cường phòng ngừa rủi ro lãi suất để ổn định hiệu quả.

Đánh giá sự thay đổi giá trị thu nhập lãi ròng ΔNII do biến động lãi suất

Rủi ro lãi suất được xác định bằng sự thay đổi NII giữa kịch bản bình thường và kịch bản biến động lãi suất, trong đó mức giảm lớn nhất của NII thể hiện rủi ro thu nhập của ngân hàng. Sự thay đổi này được mô tả bằng công thức sau:

$$(\Delta NII) = \text{Khe hở nhạy cảm lãi suất (GAP)} * \text{Mức thay đổi lãi suất } (\Delta i)$$

Dữ liệu GAP và ΔNII của LPBank (2019-2024) cho thấy ΔNII biến động mạnh theo lãi suất. Khi lãi suất giảm, ΔNII giảm, phản ánh rủi ro thu nhập âm; khi lãi suất tăng, ΔNII tăng, thể hiện sự nhạy cảm thu nhập với lãi suất. ΔNII dao động từ -3,8% đến 2,5%, nằm trong hạn mức $\pm 10\%$ vốn chủ sở hữu theo tiêu chí ngân hàng.

Bảng 2. Tỷ lệ thay đổi thu nhập lãi thuần trên vốn chủ sở hữu ($\Delta NII/VCSH$) theo các kịch bản biến động lãi suất giai đoạn 2019-2024

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	VCSH	Tỷ lệ $\Delta NII/VCSH$ với các kịch bản thay đổi lãi suất				
		$\Delta r = -1,5\%$	$\Delta r = -1\%$	$\Delta r = -0,5\%$	$\Delta r = +0,5\%$	$\Delta r = 1\%$
2019	12.580	-1,2%	-0,8%	-0,4%	0,4%	0,8%
2020	14.232	-0,4%	-0,3%	-0,1%	0,1%	0,3%
2021	16.802	-0,6%	-0,4%	-0,2%	0,2%	0,4%
2022	24.055	-2,0%	-1,3%	-0,7%	0,7%	1,3%
2023	34.117	-2,7%	-1,8%	-0,9%	0,9%	1,8%
2024	43.338	-3,8%	-2,5%	-1,3%	1,3%	2,5%

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu Bảng 1 và các kịch bản biến động lãi suất

Bộ phận nguồn vốn ngân hàng thực hiện Báo cáo quý đánh giá biến động thu nhập lãi ròng (ΔNII) theo các kịch bản

đường cong lãi suất đi lên và đi xuống, với lãi suất tăng đồng loạt 2% cho cả VND và USD, và lãi suất giảm đồng loạt 2% với

VND, 1,34% với USD. Thống kê năm 2024 cho thấy GAP dương khiến LPBank chịu rủi ro thu nhập khi lãi suất tăng. Δ NII dao động từ 0,03% đến -0,7%, trong ngưỡng an toàn $\pm 10\%$ vốn chủ sở hữu theo quy định nội bộ.

Bảng 3. Tác động của các kịch bản sốc lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Δ NII) và tỷ lệ Δ NII/VCSH theo từng tháng năm 2024

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Tháng	NII - Baseline	NII - Interest Rate Upward Shock	Δ NII - Interest Rate Upward Shock	NII - Interest Rate Downward Shock	Δ NII - Interest Rate Downward Shock	Δ NII	VCSH	Δ NII/VCSH (%)
1	857	785	-98	898	91	-98	38.756	-0,3%
2	899	805	256	911	-222	-222	38.862	-0,6%
3	790	757	-101	801	85	-101	38.862	-0,3%
4	755	658	-90	573	6	-90	38.996	-0,2%
5	1.020	986	212	901	-235	-235	39.000	-0,6%
6	1.109	1.011	245	826	-254	-254	39.000	-0,7%
7	1.242	1.495	255	979	-265	-265	39.087	-0,7%
8	369	354	-14	373	5	-14	39.992	-0,03%
9	389	329	-60	435	46	-60	40.879	-0,1%
10	560	545	-79	601	61	-79	41.569	-0,2%
11	576	558	-82	621	76	-82	42.690	-0,2%
12	896	790	-98	802	86	-98	43.338	-0,2%

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng nội bộ của LPBank, 2024b

Biến động ngày càng mở rộng của GAP phản ánh độ nhạy Δ NII của LPBank trước thay đổi lãi suất đang tăng, cho thấy ngân hàng chưa kiểm soát hiệu quả rủi ro lãi suất trong khi vẫn duy trì chênh lệch tài sản – nợ phải trả dương.

Đánh giá sự thay giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu Δ EVE do biến động lãi suất

LPBank sử dụng chỉ số Δ EVE (thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu) bên cạnh Δ NII để đánh giá tác động dài hạn của biến động lãi suất. Δ EVE phản ánh mức chênh lệch giá trị hiện tại thuần của tài sản và nợ phải trả giữa kịch bản cơ sở và các kịch bản giả định, giúp ngân hàng xác định mức độ nhạy cảm của bảng cân đối với rủi ro lãi suất. Công

thức tính Δ EVE được thể hiện như sau:

$$\Delta \text{EVE} = \text{EVE}_{\text{kịch bản biến động}} - \text{EVE}_{\text{kịch bản cơ sở}}$$

Theo mô hình đo lường EVE, sự thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu của LPBank được xác định theo các kịch bản đường cong lãi suất đi lên và đi xuống, với lãi suất tăng đồng loạt 2% cho cả VND và USD, và lãi suất giảm đồng loạt 2% với VND, 1,34% với USD. Đánh giá năm 2024 cho thấy cấu trúc tài sản – nợ phải trả của LPBank nhạy cảm dương với lãi suất, khi EVE giảm trong kịch bản lãi suất tăng. Biên dao động Δ EVE từ +6,7% đến -11,4% vẫn nằm trong giới hạn an toàn theo hạn mức nội bộ ($\pm 20\%$).

Bảng 4. Tác động của các kịch bản sốc lãi suất đến giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Δ EVE) và tỷ lệ Δ EVE/VCSH theo từng tháng năm 2024

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Tháng	EVE - Baseline	EVE - Interest Rate Upward Shock	Δ EVE - Interest Rate Upward Shock	EVE - Interest Rate Downward Shock	Δ EVE - Interest Rate Downward Shock	Δ EVE	VCSH	Δ NII/VCSH (%)
-------	----------------	----------------------------------	---	------------------------------------	---	--------------	------	-----------------------

1	14.236	11.012	-2.600	18.458	3.012	2.600	38.756	6,7%
2	14.990	11.321	-2.985	19.012	3.561	2.985	38.862	7,7%
3	15.426	11.895	-3.000	19.756	3.979	3.000	38.862	7,7%
4	15.988	11.998	-3.212	20.001	4.012	3.212	38.996	8,2%
5	16.423	12.102	-3.510	21.000	4.513	3.510	39.000	9,0%
6	16.456	12.126	-3.541	21.567	4.613	3.541	39.000	9,1%
7	18.968	15.195	-3.773	23.694	4.726	3.773	39.087	9,7%
8	15.639	11.441	-4.198	20.859	5.220	4.198	39.992	10,5%
9	21.125	16.616	-4.510	26.652	5.526	4.510	40.879	11,0%
10	22.206	18.760	-4.800	27.103	5.971	4.800	41.569	11,6%
11	22.567	18.975	-4.806	27.351	6.012	4.806	42.690	11,3%
12	23.012	19.012	-4.953	27.986	6.235	4.953	43.338	11,4%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo về việc đánh giá rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng [Tài liệu nội bộ]. Ngân hàng TMCP LPBank, 2024b.

LPBank duy trì chênh lệch lãi suất dương do tài sản nhạy cảm lãi suất cao hơn nợ phải trả. Khi lãi suất tăng, cả ΔNII và ΔEVE đều giảm, phản ánh cấu trúc nhạy cảm chưa cân đối, làm gia tăng rủi ro thị trường. Thực trạng này cho thấy LPBank cần cải thiện quản trị rủi ro lãi suất để ổn định thu nhập và giá trị kinh tế.

Bên cạnh đó, quản trị IRRBB tại LPBank còn thiếu linh hoạt khi mới áp dụng một số công cụ phái sinh cơ bản như FX Swap, CCS, IRS và AIRS, chủ yếu với cặp USD/VND trong kỳ hạn ngắn. Trong khi đó, nhiều NHTM đã triển khai hiệu quả các công cụ phức tạp hơn như FRA, quyền chọn và hợp đồng tương lai để nâng cao khả năng phòng ngừa rủi ro.

4. Giải pháp nâng cao năng lực quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của LPBank

Những năm gần đây, LPBank đã cải thiện đáng kể công tác quản trị IRRBB, đặc biệt về tổ chức và nhận thức rủi ro. Tuy vậy, vẫn còn một số hạn chế về nhân sự, công nghệ, dữ liệu và quy trình định lượng. Việc nâng cao năng lực quản trị IRRBB là cấp thiết để Ngân hàng ứng phó hiệu quả với biến động lãi suất và duy trì ổn định hoạt động trong môi trường cạnh tranh cao.

Thứ nhất, về chính sách và nhân sự, LPBank cần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro lãi suất minh bạch, nhất quán theo Basel III. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành phải xác định rõ khẩu vị rủi ro, quy trình phê duyệt và giám sát chặt chẽ. Mặc dù đã có bộ phận IRRBB độc lập, đội ngũ cán bộ cần nâng cao chuyên môn. Ngân hàng cần đẩy mạnh đào tạo về đo lường rủi ro, mô hình định lượng và phân tích tài chính vĩ mô để

ứng phó tốt với thị trường biến động.

Thứ hai, về công nghệ và dữ liệu, LPBank đã triển khai hệ thống ngân hàng lõi T24 và kho dữ liệu tập trung từ năm 2024, nhưng còn trong giai đoạn đầu, chưa hỗ trợ hiệu quả các mô hình định lượng nâng cao như GAP động, phân tích EVE mở rộng hay kiểm định (backtest) giả định mô hình. Công nghệ hiện tập trung vào quản lý rủi ro tín dụng và thanh khoản, hạn chế giám sát IRRBB về độ sâu và chính xác. LPBank cần đầu tư phần mềm chuyên biệt và khai thác dữ liệu thông minh để phân tích, dự báo rủi ro thời gian thực.

Thứ ba, về phương pháp đo lường, LPBank nên xây dựng khung đo lường phù hợp với đặc điểm mô hình kinh doanh, linh hoạt kết hợp phương pháp dựa trên thu nhập (ΔNII) và giá trị (ΔEVE). Quá trình tính toán cần tích hợp các giả định về tỷ lệ mua lại, trả trước, cũng như ảnh hưởng của hợp đồng quyền chọn, hình dạng đường cong lợi suất và rủi ro cơ bản. Đồng thời, Ngân hàng phải đánh giá đầy đủ tác động từ công cụ phái sinh, nâng cao độ chính xác của mô hình nội bộ và tuân thủ nghiêm Basel III.

Thứ tư, về nhận diện rủi ro, LPBank cần phân loại rõ các loại tiền tệ chính - phụ và nhóm các đồng tiền phụ vào đơn vị cơ sở để đơn giản hóa giám sát. Đặc biệt, cần có phương pháp đánh giá chính xác ảnh hưởng của khoản tiền gửi không kỳ hạn trong điều kiện lãi suất âm, tránh ước lượng sai mức độ rủi ro tiềm ẩn.

Cuối cùng, LPBank cần tăng cường kiểm tra định kỳ và sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro. Ngân hàng cần thiết lập quy trình rà soát mô hình giả định, thực hiện đảo ngược kịch bản để kiểm định tính phù

hợp với khẩu vị rủi ro. Báo cáo IRRBB cần lập định kỳ, có cấu trúc rõ ràng, minh bạch trước Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị nhằm hỗ trợ quyết định. Đồng thời, LPBank nên nâng cao hiệu quả sử dụng hoán đổi lãi suất và từng bước triển khai các sản phẩm phức tạp như quyền chọn lãi suất để phòng ngừa biến động lãi suất ảnh hưởng đến thu nhập và vốn tự có.

5. Kết luận

Trong bối cảnh thị trường tài chính ngày càng biến động và hội nhập sâu rộng, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (IRRBB) đã trở thành một trong những rủi ro tài chính trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh và sự ổn định vốn của các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu này đã hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về IRRBB theo chuẩn mực Basel III, đồng thời, phân tích thực trạng quản trị IRRBB tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (LPBank) thông qua các công

cụ định lượng như GAP, ΔNII và ΔEVE .

Kết quả cho thấy LPBank đã có tiến bộ trong xây dựng bộ phận chuyên trách, triển khai hệ thống ngân hàng lõi hiện đại và áp dụng các phương pháp đo lường rủi ro theo chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, Ngân hàng vẫn đối mặt nhiều thách thức như hạn chế năng lực phân tích chuyên sâu, dữ liệu phân tán, hệ thống công nghệ chưa đồng bộ và thiếu hụt nhân lực chuyên môn cao trong quản trị rủi ro.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao năng lực quản trị IRRBB tại LPBank, gồm: hoàn thiện chính sách theo Basel III; nâng cao năng lực nhân sự; đầu tư công nghệ và dữ liệu; phát triển khung đo lường kết hợp EVE và NII; và từng bước ứng dụng công cụ phòng ngừa như hoán đổi lãi suất. Các giải pháp này góp phần tăng khả năng thích ứng trước biến động lãi suất và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Tài liệu tham khảo

- Basel Committee on Banking Supervision. (2016). *Principles for the management and supervision of interest rate risk*. Bank for International Settlements.
- Basel Committee on Banking Supervision. (2016). *Standards: Interest rate risk in the banking book (IRRBB)*. Bank for International Settlements.
- Bessis, J. (2015). *Risk management in banking* (4th ed.). Wiley.
- Đức, N. M. (2021). Quản trị rủi ro lãi suất tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 80, 56-67.
- Hauf, T., & Trummer, C. (2021). Integrated data systems and modern architecture for effective IRRBB management. *Journal of Banking Technology*, 15(3), 45-60. <https://doi.org/xxxx>
- Hull, J. C. (2018). *Risk management and financial institutions* (5th ed.). Wiley.
- LPBank. (2024a). *Báo cáo thường niên năm 2024*. Ngân hàng TMCP LPBank.
- LPBank. (2024b). *Báo cáo về việc đánh giá rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng* [Tài liệu nội bộ]. Ngân hàng TMCP LPBank.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2018). *Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 5 năm 2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
- Saunders, A., & Allen, L. (2020). *Credit risk management in and out of the financial crisis: New approaches to value at risk and other paradigms* (3rd ed.). Wiley.
- Trang, N. T. T., Hằng, Đ. T. T., Hương, T. T. T., & Hương, N. T. D. (2024). Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Edelweiss*, 8(6), 3361-3380.